

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 13-5-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào

Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K;

Trụ sở chính: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn Anh: Bà Lê Thụy Thủy T (theo Quyết định ủy quyền số 1418/QĐ-NHKL), chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Rạch Giá.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thụy Thủy T: Ông Lâm Văn T1 (theo giấy ủy quyền số 147/UQ-CNRG), chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Gò Quao (có mặt);

Bị đơn: Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K – Người đại diện theo ủy quyền ông Lâm Văn T1 trình bày:

Vào ngày 05/11/2012, Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long (TMCP Kiên Long) có cho ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 195.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số ST2531/HĐTD, ngày 05/11/2012; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp, san lấp mặt bằng; thời hạn

vay là 13 tháng; ngày giải ngân 05/11/2012; ngày đến hạn trả 05/12/2013; lãi suất trong hạn 06 tháng đầu là 1,650%/tháng (lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: vốn vay và lãi được trả vào ngày đến hạn hợp đồng.

Tài sản ông Ph, bà L thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số ST2531/HĐTC, ngày 05/11/2012 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M 963677, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất VHH000165, diện tích 25.280m² (đất lúa) thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 109, 110, 111, 167 và 168 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 06/10/1998 do hộ ông Phạm Văn Ph đứng tên, đất tọa lạc tại ấp 4 (trước đây là ấp 3, ấp 4, ấp 5), xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph, bà L có trả nợ cho Ngân hàng cụ thể như sau: ngày 22/5/2013 trả lãi 21.482.633đ, ngày 26/3/2019 trả gốc 40.000.000đồng và ngày 28/3/2019 trả gốc 150.000.000đ. Tuy nhiên, ông bà vẫn chưa thanh toán hết nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã vay từ ngày 5/11/2012 cho đến nay. Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho ông Ph, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn không có thiện chí thanh toán nợ. Tính đến ngày 13/5/2021, ông Ph, bà L còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền 372.579.682đ, trong đó: nợ gốc 5.000.000đ, lãi trong hạn 20.186.292đ, lãi quá hạn 292.648.167đ và tiền phạt chậm trả lãi là 54.745.223đ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph, bà L phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/5/2021 là 317.834.459đ, trong đó: nợ gốc 5.000.000đ, lãi trong hạn 20.186.292đ, lãi quá hạn 292.648.167đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng TMCP K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về tiền phạt chậm trả lãi 54.745.223đ. Trường hợp, ông Ph, bà L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/12/2020, bị đơn ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông Ph, bà L thừa nhận vào ngày 05/11/2012, ông bà có ký kết với Ngân hàng TMCP K Hợp đồng tín dụng trung hạn số ST2531/HĐTD, ngày 05/11/2012 để vay số tiền gốc 195.000.000đ. Đồng thời, ông bà có ký kết với Ngân hàng TMCP K Hợp đồng thế chấp tài sản số ST2531/HĐTC, ngày 05/11/2012 để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên, tài sản thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Ph đứng tên theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Ông Ph, bà L thừa nhận việc thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở có nhu cầu vay vốn và đã được giải ngân đúng theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, từ ngày vay cho đến nay ông bà vẫn không trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho phía Ngân hàng đúng hạn.

Ông Ph, bà L đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 5.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà hẹn đến tháng 06/2021 sẽ trả đủ 01 lần cho ngân hàng. Ông bà xác nhận hiện nay ông bà vẫn đang trực tiếp canh tác trên toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên và không có thực hiện các giao dịch về đất với người thứ 3.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký, các bên đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K buộc ông Ph, bà L phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/5/2021 là 317.834.459đ, trong đó: nợ gốc 5.000.000đ, lãi trong hạn 20.186.292đ, lãi quá hạn 292.648.167đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Áp dụng khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 54.745.223đ. Nếu ông Ph, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ph, bà L phải thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết vì ông Ph, bà L đã vi phạm thời hạn trả nợ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ông Ph, bà L với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông bà đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 05/11/2012, giữa Ngân hàng TMCP K với ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị L có ký kết Hợp đồng tín dụng trung hạn số ST2531/HĐTD, ngày 05/11/2012, theo đó: Ngân hàng TMCP K cho ông Ph, bà L vay số tiền gốc 195.000.000đ; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp, san lấp mặt bằng; thời hạn vay là 13 tháng; ngày giải ngân 05/11/2012; ngày đến hạn trả 05/12/2013; lãi suất trong hạn 06 tháng đầu là 1,650%/tháng (lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: vốn vay và lãi được trả vào ngày đến hạn hợp đồng. Xét, Hợp đồng tín dụng trung hạn số ST2531/HĐTD, ngày

05/11/2012 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, ông Ph, bà L chỉ thanh toán được một phần nợ, cụ thể: ngày 22/5/2013 trả lãi 21.482.633đ, ngày 26/3/2019 trả gốc 40.000.000đồng và ngày 28/3/2019 trả gốc 150.000.000đ. Xét thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bên ông Ph, bà L vẫn chưa trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc ông Ph, bà L phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/5/2021 là 317.834.459đ, trong đó: nợ gốc 5.000.000đ, lãi trong hạn 20.186.292đ, lãi quá hạn 292.648.167đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở. Xét thấy, cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP K đúng với Hợp đồng tín dụng trung hạn số ST2531/HĐTD, ngày 05/11/2012, phù hợp với Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền lãi phạt chậm trả lãi 54.745.223đ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn ông Ph, bà L thừa nhận Hợp đồng tín dụng trung hạn số ST2531/HĐTD, ngày 05/11/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số ST2531/HĐTC, ngày 05/11/2012 mà ông bà đã ký kết với Ngân hàng TMCP K là hoàn toàn tự nguyện. Ông bà cũng thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ông Ph, bà L đồng ý trả cho ngân hàng số tiền vay gốc 5.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, ông bà cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà hẹn đến tháng 06/2021 sẽ trả đủ 01 lần cho ngân hàng nhưng không được Ngân hàng TMCP K đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số ST2531/HĐTC, ngày 05/11/2012 được công chứng số 776, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc vào ngày 05/11/2012 thể hiện: Bên thế chấp là ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị L, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP K; tài sản bảo đảm gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M 963677, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất VHH000165, diện tích 25.280m² (đất lúa) thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 109, 110, 111, 167 và 168 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 06/10/1998 do hộ ông Phạm Văn Ph đứng tên (đã bao gồm hai lần chỉnh lý biến động nâng diện tích sử dụng tăng thêm, cụ thể ngày 10/3/1999 tăng thêm 13.990m² thuộc thửa 109 và 110; ngày 24/5/2000 tăng thêm 5.810m² thuộc thửa 167 và 168), đất tọa lạc tại ấp 4 (trước đây là ấp 3, ấp 4, ấp 5), xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên cần duy trì để bảo đảm thi hành án.

Qua thẩm tra, xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của ông Ph,

bà L cho thấy toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên hiện nay là do ông Ph, bà L trực tiếp canh tác không có thực hiện các giao dịch về đất với người thứ ba nên không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Do vậy, trong trường hợp ông Ph, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Ph, bà L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là: $317.834.459đ \times 5\% = 15.891.723đ$ làm tròn số 15.892.000đ do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc: ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 317.834.459đ (ba trăm mười bảy triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc 5.000.000đ, lãi trong hạn 20.186.292đ và lãi quá hạn 292.648.167đ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ph, bà L chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ tính từ ngày 14/5/2021 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ông Ph, bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M 963677, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất VHH000165 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số ST2531/HĐTC, ngày 05/11/2012 cho ông Ph, bà L.

Trong trường hợp ông Ph, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số ST2531/HĐTC, ngày 05/11/2012 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M 963677, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất VHH000165, diện tích 25.280m² (đất lúa) thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 109, 110, 111, 167 và 168 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 6/10/1998 do hộ ông Phạm Văn Ph đứng tên (đã bao gồm hai lần chỉnh lý biến động nâng diện tích sử dụng tăng thêm, cụ thể ngày 10/3/1999 tăng thêm 13.990m² thuộc thửa 109 và 110; ngày 24/5/2000 tăng thêm 5.810m² thuộc thửa 167 và 168); đất tọa lạc tại ấp 4 (trước đây là ấp 3, ấp 4, ấp 5), xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 54.745.223đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ph, bà L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 15.892.000đ (mười lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 9.125.000đ (chín triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009550 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh